

Số: 04/CV-ĐHM

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2026

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : **Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai**

- Mã chứng khoán: **HMR**

- Trụ sở chính: Khối Tân Thành, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: 0238 664 260

Fax: 0238 664 136

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <https://rcchoangmai.vn/> mục Quan hệ nhà đầu tư.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Trân Trọng!**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT b/c;
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**



**Nguyễn Duy Ánh**

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**





## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 33



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Tạ Hữu Diễn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/9/2025
Bà Vũ Thị Hải Yến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/09/2025
Ông Nguyễn Duy Ánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Trung	Thành viên	
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/9/2025

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/4/2025
Ông Phạm Xuân Trí	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/4/2025
Ông Thái Đình Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/4/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/4/2025
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên	

**Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng**

Ông Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Cường	Phó Giám đốc
Ông Trần Huy Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thành	Kế toán trưởng

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duy Ánh

Giám đốc

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2026



Số: 218/2026/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Như đã đề cập tại thuyết minh số 28.5, Mỏ đá Hoàng Mai B của Công ty được cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1091QĐ/QLNT ngày 23 tháng 10 năm 1995 cấp bởi Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương), mỏ có thời hạn khai thác 30 năm đã hết hạn ngày 23 tháng 10 năm 2025. Hiện nay, Công ty đang thực hiện thủ tục liên quan đến xin cấp gia hạn khai thác và đang chờ ý kiến phản hồi của các cấp có thẩm quyền.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán số 290325.007/BCTC.KT5 ngày 29 tháng 03 năm 2025.



**Phạm Thị Thảo**  
Giám đốc kiểm toán  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

**Lê Đức Hạnh**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2025-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>81.522.869.205</b>	<b>82.031.530.140</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	270.184.612	120.159.113
Tiền	111		270.184.612	120.159.113
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.336.707.991	54.193.818.894
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	28.783.523.432	28.576.208.456
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	35.237.245.436	26.353.791.551
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	143.804.788	91.684.552
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(827.865.665)	(827.865.665)
Hàng tồn kho	140	9	17.911.724.102	27.712.966.300
Hàng tồn kho	141		17.911.724.102	27.712.966.300
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.252.500	4.585.833
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.252.500	4.585.833
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.094.714.037</b>	<b>9.287.583.364</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.619.712.770	2.381.574.681
Phải thu dài hạn khác	216	7	2.619.712.770	2.381.574.681
Tài sản cố định	220	11	5.675.001.267	6.709.636.914
Tài sản cố định hữu hình	221		5.675.001.267	6.709.636.914
- Nguyên giá	222		31.782.157.073	34.346.071.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.107.155.806)	(27.636.434.522)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		800.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	10	800.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	196.371.769
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	196.371.769
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>90.617.583.242</b>	<b>91.319.113.504</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.136.751.790</b>	<b>13.706.711.738</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.170.679.540</b>	<b>12.255.021.738</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	533.226.807	3.150.117.642
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	142.669.500	170.717.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.590.851.077	3.416.874.831
Phải trả người lao động	314		3.495.070.017	2.907.966.995
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.957.383.130	1.734.385.426
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		451.479.009	374.959.344
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.966.072.250</b>	<b>1.451.690.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	15	80.000.000	80.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	16	1.886.072.250	1.371.690.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>17</b>	<b>80.480.831.452</b>	<b>77.612.401.766</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>80.480.831.452</b>	<b>77.612.401.766</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.124.440.000	56.124.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.124.440.000	56.124.440.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		9.213.000.000	9.213.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.143.391.452	12.274.961.766
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.973.309.101	6.241.908.480
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.170.082.351	6.033.053.286
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>90.617.583.242</b>	<b>91.319.113.504</b>

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Trọng Thành



Giám đốc

Nguyễn Duy Ánh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	47.160.377.872	52.996.318.288
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>47.160.377.872</b>	<b>52.996.318.288</b>
Giá vốn hàng bán	11	19	41.994.329.515	40.806.428.410
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.166.048.357</b>	<b>12.189.889.878</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	47.251.522	105.901.345
Chi phí tài chính	22	21	6.431.232	112.214.795
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.431.232	112.214.795
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.024.824.333	3.037.732.808
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.182.044.314</b>	<b>9.145.843.620</b>
Thu nhập khác	31	23	2.458.148.143	135.277.772
Chi phí khác	32	24	542.071.614	1.046.867.931
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.916.076.529</b>	<b>(911.590.159)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.098.120.843</b>	<b>8.234.253.461</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	928.038.492	2.201.200.175
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.170.082.351</b>	<b>6.033.053.286</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	565	1.021
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	565	1.021

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2026

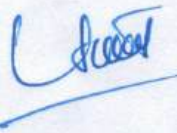
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trọng Thành



Nguyễn Trọng Thành



Nguyễn Duy Ánh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

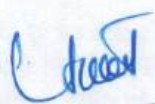

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.098.120.843	8.234.253.461
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.034.635.647	1.091.760.619
Các khoản dự phòng	03		-	685.845.000
Lãi hoạt động đầu tư	05		(2.362.066.337)	(105.901.345)
Chi phí lãi vay	06		6.431.232	112.214.795
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		2.777.121.385	10.018.172.530
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.752.411.061)	(4.162.512.509)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.801.242.198	2.435.143.620
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		460.610.384	(1.443.156.683)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		196.705.102	196.534.264
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.431.232)	(112.214.795)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.196.347.126)	(1.986.863.259)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	20.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(192.530.488)	(330.030.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		(912.040.838)	4.635.073.168
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(152.656.400)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		2.314.814.815	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(800.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		47.251.522	109.539.890
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		1.562.066.337	(43.116.510)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.862.116.820	1.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.362.116.820)	(9.700.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.432.845.792)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(500.000.000)	(14.132.845.792)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		150.025.499	(9.540.889.134)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	4	120.159.113	9.661.048.247
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4	270.184.612	120.159.113

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Duy Ánh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901437166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2011 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 07) vào ngày 28 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khởi Tân Thành, Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 56.124.440.000 VND, tương đương 5.612.444 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 55 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 60 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đúc sắt, thép;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (thiết kế xây dựng công trình giao thông; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cầu và đường sắt, cầu và đường bộ; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình);
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2024.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được xác định tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động xây lắp: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sản xuất công nghiệp: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**3.10 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**3.14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ.

**3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

**3.16 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác.

**3.17 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào được công ty hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Các loại thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	1.172.421	3.264.419
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	269.012.191	116.894.694
	<b>270.184.612</b>	<b>120.159.113</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	28.783.523.432	(827.865.665)	28.576.208.456	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	14.178.881.069	-	11.906.496.000	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải	2.051.626.124	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hoá	5.369.341.880	-	4.601.502.040	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình	1.176.300.774	-	1.426.934.534	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Nghệ Tĩnh	3.321.816.744	-	5.398.011.134	-
- Các khách hàng khác	2.685.556.841	(827.865.665)	5.243.264.748	(827.865.665)
	<u>28.783.523.432</u>	<u>(827.865.665)</u>	<u>28.576.208.456</u>	<u>-</u>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 28	14.746.655.278	-	12.274.904.570	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	35.237.245.436	-	26.353.791.551	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	35.086.838.991	-	25.981.721.302	-
- Các khách hàng khác	150.406.445	-	372.070.249	-
Cộng	<u>35.237.245.436</u>	<u>-</u>	<u>26.353.791.551</u>	<u>-</u>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28	35.086.838.991		25.981.721.302	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	143.804.788	-	91.684.552	-
- Tạm ứng	143.804.788	-	91.684.552	-
<b>Dài hạn</b>	2.619.712.770	-	2.381.574.681	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.619.712.770	-	2.381.574.681	-
	<b>2.763.517.558</b>	-	<b>2.473.259.233</b>	-

**8. NỢ XẤU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đường bộ 230	260.388.000	-	260.388.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	69.695.059	-	69.695.059	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình & Đầu tư 120	340.915.091	-	340.915.091	-
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 124	156.867.515	-	156.867.515	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>827.865.665</b>	-	<b>827.865.665</b>	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.225.340.931	-	2.928.840.088	-
- Công cụ, dụng cụ	8.295.430	-	14.091.930	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.212.358.161	-	15.410.914.721	-
- Thành phẩm	4.465.729.580	-	9.359.119.561	-
	<b>17.911.724.102</b>	-	<b>27.712.966.300</b>	-

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư vào công ty liên kết	800.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Fecon Raito Hoàng Mai (**)	800.000.000	-	-	-
Cộng	<b>800.000.000</b>	-	-	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và kế toán chuẩn mực Việt Nam và chế độ doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá.

(\*\*) Công ty TNHH Fecon Raito Hoàng Mai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0402308073 do Sở Tài Chính Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2025.

- Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai góp vốn 800.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ 40%.
- Địa chỉ hoạt động: Số 61 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Ngành nghề chính: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật, kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	9.106.365.180	20.024.031.882	5.175.765.283	39.909.091	34.346.071.436
- Thanh lý TSCĐ	-	(2.563.914.363)	-	-	(2.563.914.363)
31/12/2025	9.106.365.180	17.460.117.519	5.175.765.283	39.909.091	31.782.157.073
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(5.349.641.523)	(18.758.279.988)	(3.488.603.920)	(39.909.091)	(27.636.434.522)
- Khấu hao trong năm	(522.674.920)	(342.651.403)	(169.309.324)	-	(1.034.635.647)
- Thanh lý TSCĐ (*)	-	2.563.914.363	-	-	2.563.914.363
31/12/2025	(5.872.316.443)	(16.537.017.028)	(3.657.913.244)	(39.909.091)	(26.107.155.806)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	3.756.723.657	1.265.751.894	1.687.161.363	-	6.709.636.914
31/12/2025	3.234.048.737	923.100.491	1.517.852.039	-	5.675.001.267

Tại ngày 31/12/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng là 18.962.196.174 VND (tại ngày 01/01/2025 là 21.246.270.128 VND).

(\*) Thanh lý tài sản cố định là máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 2916/2025;/HĐMB/BSL-HN ngày 08/09/2025 giữa ba bên là Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (bên A); Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST – CN Hà Nội (bên B) và Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt (bên C). Theo đó, bên B mua các máy móc thiết bị của bên A và cho Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt thuê lại theo phương thức cho thuê tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	533.226.807	533.226.807	3.150.117.642	3.150.117.642
- Công ty Cổ phần Dương Long Loan	-	-	188.461.600	188.461.600
- Hồ Sỹ Chi	220.520.000	220.520.000	-	-
- Công ty CP công trình 793	155.885.051	155.885.051	-	-
- Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	1.430.352.000	1.430.352.000
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình	-	-	1.110.039.017	1.110.039.017
- Các nhà cung cấp khác	156.821.756	156.821.756	421.265.025	421.265.025
	<b>533.226.807</b>	<b>533.226.807</b>	<b>3.150.117.642</b>	<b>3.150.117.642</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 28</b>	<b>155.885.051</b>	<b>155.885.051</b>	-	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	951.439.956	2.681.504.164	3.184.356.033	448.588.087		
- Thuế giá trị gia tăng	1.856.224.279	1.268.161.339	2.196.347.126	928.038.492		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.822.200	512.742.000	572.314.000	95.250.200		
- Thuế tài nguyên	9.765.559	678.354.341	590.228.358	97.891.542		
- Các loại thuế khác	444.622.837	627.282.282	1.050.822.363	21.082.756		
- Các khoản phí lệ phí và phải nộp khác	<b>3.416.874.831</b>	<b>5.768.044.126</b>	<b>7.594.067.880</b>	<b>1.590.851.077</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**

Khôi Tân Thành, Phường Hoàng Mai,

Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>142.669.500</b>	<b>170.717.500</b>
- Công ty CP Xây dựng & Thương mại Việt Tuấn	36.344.000	36.344.000
- Xí nghiệp XLCT - Chi nhánh CTCP Đường Sắt Hà Thái	-	48.048.000
- Các khách hàng khác	106.325.500	86.325.500
	<b>142.669.500</b>	<b>170.717.500</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.957.383.130</b>	<b>1.734.385.426</b>
- Kinh phí công đoàn	28.642.388	88.090.525
- Bảo hiểm xã hội	124.866.560	129.048.202
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.730.000.000	1.390.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.874.182	127.246.699
<b>Dài hạn</b>	<b>80.000.000</b>	<b>80.000.000</b>
Tiền đào tạo của cán bộ công nhân viên	80.000.000	80.000.000
	<b>2.037.383.130</b>	<b>1.814.385.426</b>

Phải trả là các bên liên quan - Trình bày tại  
Thuyết minh số 28

1.730.000.000

1.390.000.000

**16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí hoàn nguyên môi trường	1.886.072.250	1.371.690.000
	<b>1.886.072.250</b>	<b>1.371.690.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	56.124.440.000	9.213.000.000	12.003.131.745	77.340.571.745
Lãi trong năm	-	-	6.033.053.286	6.033.053.286
Chia cổ tức	-	-	(5.432.845.792)	(5.432.845.792)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(328.377.473)	(328.377.473)
31/12/2024	56.124.440.000	9.213.000.000	12.274.961.766	77.612.401.766
01/01/2025	56.124.440.000	9.213.000.000	12.274.961.766	77.612.401.766
Lãi trong năm	-	-	3.170.082.351	3.170.082.351
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 (*)	-	-	(301.652.665)	(301.652.665)
31/12/2025	56.124.440.000	9.213.000.000	15.143.391.452	80.480.831.452

(\*) Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 29/04/2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong đó trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 3% lợi nhuận sau thuế số tiền 301.652.665 đồng.

17.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp	
	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
	%	%
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	30.750.000.000	28.250.000.000
- Cổ đông khác	25.374.440.000	27.874.440.000
Cộng	56.124.440.000	56.124.440.000
	100	100



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**

Khối Tân Thành, Phường Hoàng Mai,  
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.3 Cổ phiếu**

Cổ phiếu	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	5.612.444	5.612.444
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.612.444	5.612.444
- Cổ phiếu phổ thông	5.612.444	5.612.444
Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	5.612.444	5.612.444
- Cổ phiếu phổ thông	5.612.444	5.612.444
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu xây lắp	28.198.303.105	27.866.955.538
- Doanh thu bán các sản phẩm khai thác, chế biến đá	5.259.509.000	6.801.240.000
- Doanh thu bán tà vẹt và các sản phẩm khác	13.702.565.767	18.328.122.750
	<b>47.160.377.872</b>	<b>52.996.318.288</b>
Doanh thu với các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 28	17.895.058.772	28.652.598.538

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn xây lắp	25.380.236.665	21.079.249.137
- Giá vốn bán các sản phẩm khai thác, chế biến đá	4.022.747.656	4.921.434.391
- Giá vốn bán tà vẹt và các sản phẩm khác	12.591.345.193	14.805.744.882
	<b>41.994.329.515</b>	<b>40.806.428.410</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	47.251.522	105.901.345
	<b>47.251.522</b>	<b>105.901.345</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	6.431.232	112.214.795
	<b>6.431.232</b>	<b>112.214.795</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**

Khối Tân Thành, Phường Hoàng Mai,

Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân công	1.752.457.592	2.078.935.587
- Chi phí khấu hao TSCĐ	566.150.057	545.100.484
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	47.219.244
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	613.657.024	188.348.643
- Chi phí khác bằng tiền	89.559.660	178.128.850
	<b>3.024.824.333</b>	<b>3.037.732.808</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	2.314.814.815	-
- Thu nhập khác	143.333.328	135.277.772
	<b>2.458.148.143</b>	<b>135.277.772</b>
Thu nhập khác với các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 28	<b>2.374.814.815</b>	-

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Tiền chậm nộp thuế	498.071.614	123.164.786
- Truy thu thuế các năm trước	-	169.412.324
- Các khoản bị phạt	44.000.000	414.167.974
- Các khoản khác	-	340.122.847
	<b>542.071.614</b>	<b>1.046.867.931</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.790.257.433	14.957.210.400
- Chi phí nhân công	13.737.711.413	11.733.815.839
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.034.635.647	1.091.760.619
- Thuế, phí và lệ phí	1.488.678.247	2.452.398.805
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.270.784.712	11.026.476.727
- Chi phí bằng tiền khác	89.559.660	389.907.670
	<b>48.411.627.112</b>	<b>41.651.570.060</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.098.120.843	8.234.253.461
- Các khoản điều chỉnh tăng	542.071.614	1.046.867.931
- Các khoản chi phí không được trừ	542.071.614	1.046.867.931
- Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	4.640.192.457	9.281.121.392
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải trả ước tính	928.038.492	1.856.224.278
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN năm trước	-	344.975.896
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	928.038.492	2.201.200.175

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp	3.170.082.351	6.033.053.286
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024	-	301.652.665
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.612.444	5.612.444
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (VND/Cổ phiếu)	565	1.021

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 với số tiền là 301.652.665 đồng (đã được phê duyệt theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 29/04/2025). Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 1.021 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày là 1.075 đồng/cổ phiếu).

**28. THÔNG TIN KHÁC**

**28.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Công trình 791	Cùng người quản lý chủ chốt
3	Công ty Cổ phần Công trình 792	Cùng người quản lý chủ chốt
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	Cùng người quản lý chủ chốt
5	Công ty Cổ phần Công trình 875	Cùng người quản lý chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**

Khởi Tân Thành, Phường Hoàng Mai,

Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****28.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.895.058.772</b>	<b>28.652.598.538</b>
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	17.521.164.791	28.364.683.538
- Công ty Cổ phần Công trình 792	-	193.705.000
- Công ty Cổ phần Công trình 791	373.893.981	49.210.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	-	45.000.000
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>2.151.618.513</b>	<b>6.264.832.016</b>
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	655.043.838	6.264.832.016
- Công ty Cổ phần Công trình 791	1.240.886.802	-
- Công ty Cổ phần Công trình 792	255.687.873	-
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.374.814.815</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	60.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	2.314.814.815	-
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>-</b>	<b>3.242.800.000</b>
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	-	3.242.800.000

**28.3. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>14.746.655.278</b>	<b>12.274.904.570</b>
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	14.178.881.069	11.906.496.000
- Công ty Cổ phần Công trình 791	289.643.249	89.877.610
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	32.000.000	32.400.000
- Công ty Cổ phần Công trình 792	246.130.960	246.130.960
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>35.086.838.991</b>	<b>25.981.721.302</b>
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	35.086.838.991	25.981.721.302
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>155.885.051</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Công trình 793	155.885.051	-
<b>Phải trả khác</b>	<b>1.730.000.000</b>	<b>1.390.000.000</b>
- Thù lao Hội đồng quản trị và Bên liên quan	1.730.000.000	1.390.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**

Khởi Tân Thành, Phường Hoàng Mai,  
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****28.4. THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Tạ Hữu Diễn	Chủ tịch HĐQT	190.000.000	220.000.000
Ông Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	569.499.929	538.600.000
Ông Nguyễn Nhật Cường	Phó giám đốc	172.379.949	139.530.000
Ông Trần Huy Thắng	Phó giám đốc	217.750.000	49.770.000
Ông Nguyễn Trọng Thành	Kế toán trưởng	195.880.000	163.300.000
Ông Phạm Xuân Trí	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm 29/04/2025)	30.000.000	32.500.000
Ông Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm 29/04/2025)	144.430.000	-
Ông Thái Đình Cường	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 29/04/2025)	159.890.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 29/04/2025)	20.000.000	25.000.000
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên ban kiểm soát	184.420.000	147.780.000
		<b>1.884.249.878</b>	<b>1.316.480.000</b>

**28.5. THÔNG TIN KHÁC**

Mỏ đá Hoàng Mai B của Công ty được cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1091QĐ/QLNT ngày 23 tháng 10 năm 1995 cấp bởi Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương), mỏ có thời hạn khai thác 30 năm, đến ngày 23 tháng 10 năm 2025. Công ty đang khai thác đá trong phạm vi quy định của giấy phép nêu trên tại một phần phía Đông của mỏ đá. Năm 2023, việc khai thác đá tại mỏ có vị trí gần đường Quốc lộ 1A và gần khu công nghiệp ảnh hưởng đến an toàn nên UBND thị xã Hoàng Mai, các Sở ban ngành và UBND tỉnh Nghệ An, Cục kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp đã có nhiều buổi làm việc và đề nghị Công ty dừng mỏ trước thời hạn. Ngày 01 tháng 08 năm 2024, Công ty đã có báo cáo số 28 BC/CTĐHM-NC gửi Bộ Tài nguyên môi trường, UBND tỉnh Nghệ An về việc tạm dừng khai thác, sản xuất đá vôi tại mỏ đá Hoàng Mai B để tiến hành lập hồ sơ đóng cửa mỏ. Ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã ban hành Tờ trình 08TTr/CTĐHM-NC gửi Cục Khoáng sản Việt Nam để xin hướng dẫn các thủ tục đóng cửa mỏ. Ngày 19/09/2025, Công ty đã gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An văn bản và các hồ sơ liên quan xin cấp phép gia hạn khai thác khoáng sản. Hiện nay, Công ty đang chờ ý kiến phản hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ gia hạn theo đúng quy định.

**28.6. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****Tài sản thuê ngoài**

Theo hợp đồng thuê đất số 10/HĐ-TĐ ngày 24 tháng 09 năm 2003 ký giữa Công ty và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An, công ty được phép sử dụng lô đất có diện tích là 185.415,2 m<sup>2</sup> tại phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An cho thời hạn thuê đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2025 với các mục đích sử dụng như sau:

- Diện tích đất 75.000 m<sup>2</sup> sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản;
- Diện tích đất 93.012,9 m<sup>2</sup> sử dụng vào mục đích chế biến khoáng sản và tập kết nguyên vật liệu sau khi khai thác;
- Diện tích đất 17.039,9 m<sup>2</sup> sử dụng vào mục đích xây dựng văn phòng công ty;
- Diện tích đất 362,4 m<sup>2</sup> sử dụng vào mục đích làm nghĩa trang, bia tưởng niệm.

Theo hợp đồng, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**

Khối Tân Thành, Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**28.7. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**a, Theo lĩnh vực kinh doanh**

**Năm 2025**

	Xây lắp	Khai thác, chế biến đá	Sản xuất tà vẹt và các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ	28.198.303.105	5.259.509.000	13.702.565.767	47.160.377.872
Giá vốn hàng bán	25.380.236.665	4.022.747.656	12.591.345.193	41.994.329.515
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.818.066.440	1.236.761.344	1.111.220.574	5.166.048.357
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	90.617.583.242
Tổng tài sản	-	-	-	90.617.583.242
Nợ phải trả của các bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	10.136.751.790
Tổng nợ phải trả	-	-	-	10.136.751.790



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.7. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP)

Năm 2024	Xây lắp	Khai thác, chế biến đá	Sản xuất tà vẹt và các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ	27.866.955.538	6.801.240.000	18.328.122.750	52.996.318.288
Giá vốn hàng bán	21.079.249.137	4.921.434.391	14.805.744.882	40.806.428.410
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.787.706.401	1.879.805.609	3.522.377.868	12.189.889.878
Tổng chi phí mua TSCĐ	152.656.400	-	-	152.656.400
Tài sản bộ phận	31.543.076.591	9.367.628.120	13.537.321.909	54.448.026.620
Tài sản không phân bổ	-	-	-	36.871.086.884
Tổng tài sản	31.543.076.591	9.367.628.120	13.537.321.909	91.319.113.504
Nợ phải trả của các bộ phận	1.451.549.600	1.495.867.500	1.156.579.017	4.103.996.117
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	9.602.715.621
Tổng nợ phải trả	1.451.549.600	1.495.867.500	1.156.579.017	13.706.711.738

b, Theo khu vực địa lý

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại khu vực miền Trung của Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI**

Khối Tân Thành, Phường Hoàng Mai,

Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****28.8. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**28.9. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

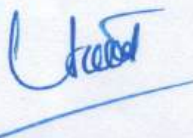
Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**28.10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Trọng Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thành

Giám đốc



Nguyễn Duy Ánh





CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐÁ HOÀNG MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 05/CV-HMR  
V/v: giải trình chênh lệch  
LNST BCTC năm 2025

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Quy định tại điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của bộ tài chính “ Hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK”.  
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã soát xét và tình hình thực tế của Công ty cổ phần đá Hoàng Mai.

Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính năm 2025 so với năm trước như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2025 (VNĐ)	Chênh lệch (VNĐ)	% Tăng/Giảm
1	Lợi nhuận sau thuế của công ty	6.033.053.286	3.170.082.351	(2.862.970.935)	-47%

Nguyên nhân :

- **Chi phí đầu vào tăng:** Do biến động trượt giá nguyên nhiên vật liệu xây dựng làm chi phí giá vốn tăng cao, dẫn đến biên lợi nhuận từ các công trình xây lắp đạt tỷ lệ thấp hơn so với năm trước.
- **Doanh thu giảm:** Một số công trình đang thi công chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu, thanh toán với chủ đầu tư, dẫn đến doanh thu ghi nhận giảm so với năm 2024.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Trân trọng báo cáo đến Quý cơ quan và các nhà Đầu tư./.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT b/c
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI



Nguyễn Duy Ánh